

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						324 446	123 360	178 511			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						58 160	8 007	50 153			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						9 070	8 007	1 063			
1		THAN MIỀN NAM	16/10	14/10	23/10	VIỆT THUẬN 027-03	CẨM 5A.1	2 510	2 359	151	17/10	BAUXIT	
2		KDT HÀ NAM NINH	18/10	17/10	31/10	BN 2899	CẨM 5A.1	2 836	2 831	5	18/10	PTCB	
3		SÔNG HỒNG	11/10	1236/9	18/10	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040	1 031	9	18/10	TD	GIA HẠN L3
4		KDT BẮC THÁI	16/10	15/10	23/10	BN 2308	CẨM 1	1 684	1 519	165	17/10	TD	
5		SX & TM UỐNG BÍ	15/10	05/10	22/10	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000	267	733	RỐT DỖ	TD	GIA HẠN L1
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						49 090		49 090			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	18/10	1334/10	31/10	HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỎN	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	17/10	1330/10	31/10	VIỆT THUẬN 235-07	CẨM 6A.14	23 050		23 050		HỘ LỎN	
3		SÔNG HỒNG	10/10	07/10	17/10	TNG 0889	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	
4		SÔNG HỒNG	18/10	16/10	25/10	BN 1816	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
5		ĐTTM&DV	19/10	1300/10	26/10	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	GIA HẠN L1
		<u>Tàu chuyển tải</u>						125 600	78 252	47 348			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						102 000	78 252	23 748			
1		ĐIỆN DUYỄN HẢI	10/10	1314-B/10		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 5B.14	26 000	25 849	151	18/10	HỘ LỎN	TTHG: 13.024,86 - KDTCP: 12.823,98
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/10	1322/10		GOLDEN STAR	CẨM 6A.10	23 500	18 216	5 284	DỖ	HỘ LỎN	KDTCP: 8.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 5.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	14/10	1327-B/10		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.10	29 500	24 778	4 722	DỖ	HỘ LỎN	TTCO: 19.500 - CLM: 10.000
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/10	1332/10		QUANG VINH DIAMOND	CẨM 6A.1	23 000	9 409	13 591	DỖ	HỘ LỎN	TTHG: 19.000 - KVCP: 4.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						23 600		23 600			
1		ĐIỆN DUYỄN HẢI	17/10	1331/10		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 5B.14	23 600		23 600		HỘ LỎN	TTHG: 9.600 - KDTCP: 14.000
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						33 544	18 120	15 424			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						19 164	18 120	1 044			
1		NINH BÌNH	15/10	509	22/10	NB - 8548	CẨM 7B	1 853	1 840	13	17/10	PT CB	CAO SƠN
2		BẮC THÁI	17/10	578	24/10	BN - 2228	CẨM 7C	1 096	1 088	8	18/10	PT CB	CAO SƠN
3		COALIMEX	17/10	599	24/10	VTT09	CẨM 7C	3 150	2 795	355	dỡ	PT CB	ĐN - CS
4		CP SX&TM THAN UỐNG BÍ	16/10	554	23/10	BN - 0692	CẨM 7C	1 450	1 447	3	18/10	TD	ĐN - CS
5		MIỀN BẮC	15/10	510	22/10	BN - 2266	CẨM 7A	910	895	15	18/10	TD	ĐN - CS
6		CP ĐTTM&DV	12/10	168	19/10	BN - 0869	CỤC 1B	1 100	1 077	23	18/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
7		COALIMEX	17/10	571	24/10	BN -2397	CẨM 8A	1 000	983	17	19/10	TD	ĐN - CS
8		CROMIT CĐ	17/10	573	24/10	BN - 2382	CẨM 8A	1 435	889	546	dỡ	TD	ĐN - CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
9		MIỀN BẮC	16/10	544	23/10	BN - 1916	CẨM 7A	1 440	1 429	11	19/10	TD	ĐN - CS
10		NGHỆ TĨNH	18/10	623	25/10	VIỆT TRUNG 68	CẨM 8A	1 980	1 963	17	19/10	TD	ĐN - CS
11		MIỀN BẮC	17/10	580	24/10	BN - 2626	CẨM 7A	1 650	1 637	13	19/10	TD	ĐN - CS
12		MIỀN BẮC	19/10	648	26/10	NB 6255	CẨM 6A.1	1 050	1 037	13	19/10		
13		MIỀN BẮC	19/10	650	26/10	NB 2952	CẨM 6A.1	1 050	1 039	11	19/10		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>14 380</i>		<i>14 380</i>			
1		COALIMEX	13/10	437	20/10	BN - 1386	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
2		CP VT&KD THAN	15/10	511	22/10	BN - 0695	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
3		MIỀN TRUNG	18/10	572B	24/10	TRẦN GIA 09	CẨM 7B	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
4		MIỀN TRUNG	18/10	572B	24/10	TRẦN GIA 09	CỤC 1A	930		930		TD	ĐN - CS
5		CẦU ĐUÔNG	17/10	579	24/10	BN - 0567	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
6		COALIMEX	17/10	581	24/10	HP - 6093	CẨM 8A	2 000		2 000		TD	CAO SƠN
7		CP ĐTTM&DV	17/10	590	24/10	HD - 2225	CẨM 8A	1 040		1 040		TD	ĐN - CS
8		XD CN MỎ	17/10	591	24/10	BN - 1829	CẨM 8A	1 660		1 660		TD	ĐN - CS
9		CP DV VT QUẢNG NINH	18/10	594B	24/10	BN - 0979	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
10		NINH BÌNH	18/10	621	25/10	BN 2335	CẨM 8A	1 350		1 350		TD	CAO SƠN
11		CP ĐTTM&DV	18/10	631	25/10	BN 1468	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS
12		XD CN MỎ	18/10	628	25/10	BN 1296	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS
<u>III</u>		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>6 592</u>	-	<u>6 592</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>6 592</i>		<i>6 592</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	09/10	1320/10	24/10	TĐ 01-CHN	CẨM 5A.14	2 380		2 380			
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	10/10	1321-B/10	24/10	QN 1043	CẨM 5A.14	2 400		2 400			THAY 1321/10
3		ĐIỆN PHẢ LẠI	14/10	1329/10	29/10	TB 1696	CẨM 5A.14	1 812		1 812			
<u>IV</u>		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>22 575</u>	<u>18 981</u>	<u>3 594</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>19 127</i>	<i>18 981</i>	<i>146</i>			
1		KDT MIỀN BẮC	16/10	543	23/10	HP 6068	Cẩm 6b.1	5 538	5 516	22	17/10	CBPT	
2		KDT HẢI PHÒNG	16/10	553	23/10	BN 2638	Cẩm 5b.1	1 923	1 912	11	17/10	CBPT	
3		QUANG VINH DIAMOND (ĐIỆN VĨNH TÂN 1)	17/10	174		CẨM PHẢ 21 (QN 8553)	Cẩm 6a.1	3 860	3 817	43	18/10	CBPT	
4		KDT MIỀN BẮC	18/10	622	31/10	HP 5795	Cẩm 6a.1	5 068	5 058	10	18/10	CBPT	
5		VTT VINACOMIN	16/10	549	23/10	BN 2158	Bùn 3c	1 538	1 528	10	17/10	TD	
6		DV VT QUẢNG NINH	15/10	508	22/10	BN 1883	Đon 8a	1 200	1 150	50	18/10	TD	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]